

Số: /2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 42/2026/NĐ-CP của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 383/TTr-SNNMT ngày 01/4/2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2026 và bãi bỏ Quyết định số 66/2021/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang Ban hành Quy định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Lâm nghiệp và KL-Bộ Nông nghiệp và MT;
- Cục Kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Bắc Ninh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, TTTT (01 bản giấy, 01 bản điện tử đăng Công báo);
- Lưu: VT, NN, SNNMT (3).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Xuân Lợi

QUY ĐỊNH

Cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về mùa cháy rừng, cấp dự báo cháy rừng, bảng tra cấp dự báo cháy rừng và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các sở, ngành, địa phương, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong nước và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mùa cháy rừng

1. Mùa cháy rừng ở tỉnh Bắc Ninh được xác định theo chỉ số khô hạn và thực trạng cháy rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Mùa cháy rừng tỉnh Bắc Ninh: tổng số 08 tháng trong năm, bao gồm các tháng: 01, 02, 03, 04, 05, 10, 11 và 12.

Điều 4. Cấp dự báo cháy rừng

Cấp dự báo cháy rừng tỉnh Bắc Ninh được chia thành 05 cấp, từ cấp I đến cấp V, cụ thể:

1. Cấp I (cấp thấp)

a) Đặc trưng cháy rừng: ít có khả năng cháy rừng, khả năng cháy rừng thấp, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số I.

b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng (sau gọi tắt là Ban Chỉ huy) cấp xã và các chủ rừng phối hợp với lực lượng Kiểm lâm triển khai phương án phòng cháy, chữa cháy rừng; tổ chức kiểm tra, hướng dẫn quy vùng sản xuất nương rẫy, tuyên truyền giáo dục về phòng cháy, chữa cháy rừng và phát đốt nương làm rẫy đúng kỹ thuật.

2. Cấp II (cấp trung bình)

a) Đặc trưng cháy rừng: có khả năng cháy rừng; khả năng cháy rừng ở mức trung bình, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số II.

b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy cấp xã, các chủ rừng tăng cường kiểm tra, đôn đốc bố trí người canh phòng, lực lượng sẵn sàng kịp thời dập tắt khi mới xảy ra cháy rừng, hướng dẫn kỹ thuật làm nương rẫy.

3. Cấp III (cấp cao)

a) Đặc trưng cháy rừng: thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng; chú trọng phòng cháy các loại rừng (như: thông, bạch đàn, keo, tre nứa); khả năng cháy lan trên diện rộng, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số III.

b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ huy cấp xã chủ trì, phối hợp Hạt Kiểm lâm liên phường, xã đôn đốc việc phòng cháy, chữa cháy rừng của các chủ rừng, cấm đốt nương rẫy. Các chủ rừng phải thường xuyên kiểm tra lực lượng canh phòng và lực lượng khoán quản lý bảo vệ rừng, nhất là trồng rừng. Lực lượng canh phòng trực 10/24 giờ trong ngày (từ 10 giờ đến 20 giờ trong ngày), đặc biệt chú trọng các giờ cao điểm (từ 11 giờ đến 19 giờ); khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được quyền huy động lực lượng, phương tiện, thiết bị của tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi quản lý tham gia chữa cháy. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh để huy động chữa cháy rừng.

4. Cấp IV (cấp nguy hiểm)

a) Đặc trưng cháy rừng: thời tiết khô hanh, hạn kéo dài, có nguy cơ xảy ra cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh. Nguy cơ cháy rừng lớn, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số IV.

b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Ban Chỉ huy cấp xã trực tiếp chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương; nghiêm cấm người dân đốt dọn thực bì để chuẩn bị đất trồng rừng, làm giảm vật liệu cháy trong rừng và sử dụng lửa trong rừng, ven rừng. Các chủ rừng và lực lượng Kiểm lâm thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm dễ cháy. Lực lượng canh phòng phải thường xuyên trên chòi canh và ngoài hiện trường rừng, đảm bảo trực 12/24 giờ (từ 9 giờ đến 21 giờ trong ngày) nhất là các giờ cao điểm (từ 11 giờ đến 19 giờ), phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay. Trong trường hợp vượt quá khả năng kiểm soát của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ban Chỉ huy phòng cháy, chữa cháy rừng cấp tỉnh để huy động chữa cháy rừng. Thông báo thường xuyên, kịp thời thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng về cấp cháy và tình hình cháy rừng hàng ngày ở địa phương.

5. Cấp V (cấp cực kỳ nguy hiểm)

a) Đặc trưng cháy rừng: thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng; rất nguy hiểm, thời tiết khô, hạn, kiệt kéo dài có khả năng cháy lớn ở tất cả các loại rừng, tốc độ lửa lan tràn rất nhanh, trên biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng mũi tên chỉ số V.

b) Biện pháp phòng cháy rừng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ huy cấp tỉnh, xã, các chủ rừng. Lực lượng Công an phòng cháy, chữa cháy phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm cháy, đảm bảo trực 24/24 giờ trong ngày, tăng cường kiểm tra người và phương tiện vào rừng; nghiêm cấm người dân đốt dọn thực bì để chuân bị đất trồng rừng, làm giảm vật liệu cháy trong rừng và sử dụng lửa trong rừng, ven rừng. Thông báo thường xuyên, kịp thời thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, nội quy dùng lửa trong rừng, ven rừng và tình hình cháy rừng hàng ngày ở địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng. Khi xảy ra cháy phải huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay, tiến hành điều tra xác minh vụ cháy và truy tìm thủ phạm xử lý nghiêm minh. Trong trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát, hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy nổ lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để huy động chữa cháy rừng.

Điều 5. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

1. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng được tính cho 4 vùng sinh thái

a) Vùng 1 gồm 27 xã, phường (Đại Sơn, Sơn Động, Tây Yên Tử, Dương Hưu, Yên Định, An Lạc, Vân Sơn, Tuấn Đạo, Biền Động, Lục Ngạn, Đèo Gia, Sơn Hải, Tân Sơn, Biên Sơn, Sa Lý, Lục Sơn, Trường Sơn, Cẩm Lý, Đông Phú, Nghĩa Phương, Lục Nam, Bắc Lũng, Bảo Đài, Nam Dương, Kiên Lao, Chũ, Phượng Sơn).

b) Vùng 2 gồm 12 xã, phường (Lạng Giang, Mỹ Thái, Kép, Tân Dĩnh, Tiên Lục, Đông Việt, Bắc Giang, Đa Mai, Tiền Phong, Tân An, Yên Dũng, Cảnh Thụy).

c) Vùng 3 gồm 17 xã, phường (Ngọc Thiện, Nhã Nam, Phúc Hoà, Quang Trung, Tân Yên, Hợp Thịnh, Hiệp Hoà, Hoàng Vân, Tụ Lạn, Việt Yên, Nénh, Vân Hà, Yên Thế, Bồ Hạ, Đồng Kỳ, Xuân Lương, Tam Tiến).

d) Vùng 4 gồm 14 xã, phường (Đào Viên, Bồng Lai, Hạp Lĩnh, Kinh Bắc, Nam Sơn, Tam Sơn, Vũ Ninh, Đông Cứu, Đại Đồng, Liên Bảo, Phật Tích, Phù Lãng, Tân Chi, Tiên Du).

2. Bảng tra cấp dự báo cháy rừng

a) Theo chỉ tiêu P

	Chỉ số P theo 5 cấp dự báo				
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
Vùng 1	0-900	901-2.500	2.501-5.000	5.001-10.000	>10.000
Vùng 2	0-1.100	1.101-3.000	3.001-6.000	6.001-12.000	>12.000
Vùng 3	0-1.300	1.301-3.500	3.501-7.000	7.001-14.000	>14.000
Vùng 4	0-1.200	1.201-3.000	3.001-6.000	6.001-13.000	>13.000

b) Theo chỉ tiêu H

Vùng 1:

Tháng	Chỉ tiêu H (ngày)				
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
1	1-5	6-10	11-19	20-29	>29
2	1-7	8-15	16-32	33-46	>46
3	1-3	4-6	7-12	13-35	>35
4	1-2	3-4	5-8	9-14	>14
5	1-2	3-4	5-7	8-10	>10
10	1-2	3-5	6-8	9-13	>13
11	1-3	4-7	8-13	14-22	>22
12	1-4	5-11	12-17	18-30	>30

Vùng 2:

Tháng	Chỉ tiêu H (ngày)				
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
1	1-5	6-10	11-19	20-29	>29
2	1-7	8-17	18-31	32-46	>46
3	1-3	4-7	8-14	15-40	>40
4	1-2	3-4	5-8	9-14	>14
5	1-2	3-4	5-8	9-12	>12
10	1-2	3-4	5-7	8-12	>12
11	1-4	5-8	9-14	15-24	>24
12	1-4	5-10	11-16	17-27	>27

Vùng 3:

Tháng	Chỉ tiêu H (ngày)				
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
1	1-3	4-7	8-13	14-25	>25
2	1-3	4-8	9-15	16-26	>26
3	1-2	3-5	6-9	10-21	>21
4	1-2	3-4	5-7	8-12	>12

5	1-2	3-5	6-8	9-12	>12
10	1-2	3-4	5-7	8-12	>12
11	1-3	4-7	8-12	13-21	>21
12	1-3	4-8	9-15	16-25	>25

Vùng 4:

Tháng	Chỉ tiêu H (ngày)				
	Cấp I	Cấp II	Cấp III	Cấp IV	Cấp V
1	1-4	5-9	10-19	20-44	>44
2	1-6	7-15	16-25	26-39	>39
3	1-4	5-10	11-24	25-43	>43
4	1-2	3-6	7-10	11-16	>16
5	1-2	3-4	5-7	8-17	>17
10	1-2	3-5	6-9	10-17	>17
11	1-4	5-9	10-15	16-23	>23
12	1-8	9-19	20-28	29-42	>42

3. Phương pháp sử dụng bảng tra cấp dự báo cháy rừng

a) Phương pháp áp dụng chỉ số P là chỉ tiêu tổng hợp về khả năng xuất hiện cháy rừng. Chỉ tiêu P được tính theo công thức:

$$P_i = k * \sum_{i=1}^n T_{i13} * D_{i13}$$

Trong đó:

P_i là chỉ tiêu tổng hợp P của ngày thứ i.

k là hệ số điều chỉnh (k = 0 khi lượng mưa ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày; k = 1 khi lượng mưa ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày).

T_{i13} là nhiệt độ không khí lúc 13 giờ ngày thứ i (°C).

D_{i13} là độ chênh lệch bão hòa ngày lúc 13 giờ ngày thứ i.

b) Phương pháp áp dụng chỉ tiêu H là chỉ số ngày khô hạn liên tục không mưa hoặc mưa có lượng mưa dưới 5 mm/ngày (áp dụng trong trường hợp không có đầy đủ 03 nhân tố, gồm: lượng mưa, nhiệt độ và độ chênh lệch bão hòa lúc 13 giờ để xác định chỉ tiêu P). Chỉ tiêu H được tính theo công thức:

$$H_i = k * (H_{i-1} + 1)$$

Trong đó:

H_i là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ i (tính từ sau ngày có mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó $H_i = i$.

H_{i-1} là chỉ số ngày khô hạn liên tục tính đến ngày thứ i-1 (tính từ sau ngày có mưa lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày gần nhất), theo đó, $H_{i-1} = i-1$.

k là hệ số điều chỉnh (k = 0 khi lượng mưa trong ngày thứ i lớn hơn hoặc bằng 5 mm/ngày; k = 1 khi lượng mưa trong ngày thứ i nhỏ hơn 5 mm/ngày).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc thực hiện Quy định này. Khi cấp dự báo cháy rừng đạt cấp V, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo quyết liệt việc triển khai các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định. Đồng thời chỉ đạo lực lượng Kiểm lâm các cấp căn cứ tình hình thời tiết, khí tượng thủy văn để dự báo và thông tin cấp dự báo cháy rừng liên tục hàng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng khi dự báo đến cấp IV, cấp V.

2. Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh: phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thông báo kịp thời, liên tục hàng ngày cấp dự báo cháy rừng đến cấp IV, cấp V trên các bản tin để các địa phương, chủ rừng và nhân dân biết, chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã: chỉ đạo các phòng, ban, ngành, tổ chức đoàn thể, thôn (bản, tổ dân phố) và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai, thực hiện Quy định này. Khi cấp dự báo cháy rừng từ cấp I trở lên, phải tổ chức thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định; triển khai các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng phù hợp với từng vùng trọng điểm cháy rừng trên địa bàn. Khi cấp dự báo cháy rừng đến cấp III, phải đôn đốc, chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng. Cấp dự báo cháy rừng đến cấp IV phải trực tiếp chỉ đạo quyết liệt thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng và triển khai đồng bộ các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo quy định. Cấp dự báo cháy rừng đến cấp V tổ chức thực hiện quyết liệt các biện pháp phòng cháy rừng và các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Thông tin tuyên truyền, cảnh báo cấp dự báo cháy rừng liên tục hàng ngày (khi cấp dự báo cháy rừng đến cấp IV, cấp V) trên các phương tiện thông tin đại chúng để cộng đồng dân cư, chủ rừng và nhân dân biết, chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa. Khi xảy ra cháy rừng, phải chủ động huy động lực lượng, phương tiện dập tắt đám cháy kịp thời; đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, phường giáp ranh và các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ chữa cháy rừng, nhất là công tác chỉ huy, huy động lực lượng, phương tiện, hậu cần hỗ trợ chữa cháy rừng và chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động phòng cháy, chữa cháy rừng: chấp hành nghiêm trách nhiệm phòng cháy, chữa cháy rừng và thực hiện các biện pháp phòng cháy rừng theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Quá trình tổ chức, triển khai thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.